

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/DS-PT**

Ngày: 16-01-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Nguyễn Hữu Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ **lý số** 135/2017/TLDS-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do **Bản án Dân sự sơ thẩm số** 15/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **268/2017/QĐ-PT** ngày 23/11/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lã Thị Chân M, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 483, tổ 38, thôn LV A, xã LX, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M: Luật sư Lý Văn K thuộc Văn phòng luật sư NPĐN – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1980

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 38, thôn LV A, xã LX, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông L, bà Q.

(Bà M, luật sư có mặt;

ông L, bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2017, lời khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Lã Thị Chân M thì:

Vào ngày 13/12/2016 vợ chồng ông L, bà Q có vay của bà M số tiền 1.650.000.000đ, các bên có xác lập 01 hợp đồng mượn tiền ngắn hạn, có chữ ký xác nhận nợ của ông Nguyễn Thanh L, mặc dù trong hợp đồng chỉ thể hiện 01 mình chữ ký của ông L nhưng trên thực tế cả ông L và bà Q đều đứng ra vay tiền và cùng nhận tiền. Ngày 26/01/2017 vợ chồng bị đơn tiếp tục vay của bà M số tiền 150.000.000đ, việc vay tiền trên không xác lập giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tổng cộng 02 lần vợ chồng bị đơn đã vay là 1.800.000.000đ. Ngày 19/3/2017, bị đơn trả 100.000.000đ. Ngày 22/3/2017 bị đơn trả 970.000.000đ, còn lại 730.000.000đ dù bà M đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chưa trả.

Trước đây, bà M yêu cầu vợ chồng bị đơn trả 730.000.000đ nhưng nay bà chỉ yêu cầu vợ chồng bị đơn trả 580.000.000đ tiền gốc + 10.092.000đ tiền lãi, tổng cộng là 590.092.000đ.

Bị đơn ông L trình bày:

Ngày 13/12/2016 ông L và bà Q có vay của bà M số tiền 1.650.000.000đ, còn số tiền 150.000.000đ thì ông bà không vay của bà M. Sau đó ông L đã trả cho bà M 1.070.000.000đ, còn lại 580.000.000đ cho đến nay vẫn chưa trả. Nay ông L đồng ý trả cho bà M số tiền 580.000.000đ.

Tòa án đã hòa giải nhưng ông Nguyễn Thanh L và bà Nguyễn Thi Q vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện ĐD đã xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lã Thị Chân M. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thi Q có nghĩa vụ trả cho bà Lã Thị Chân M số tiền 609.000.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/10/2017 bị đơn kháng cáo cho rằng theo Hợp đồng mượn tiền ngắn hạn ngày 13/12/2016 được lập giữa ông Nguyễn Thanh L và bà Lã Thị Chân M không phải là nợ chung của hai vợ chồng; lãi suất tiền vay phải trả cho bà M là không đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông L, bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà M không đồng ý với kháng cáo của ông L, bà Q, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà Q. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm buộc ông L, bà Q phải chịu 30.450.000đ án phí dân sự sơ thẩm là không đúng (thiệt cho ông L, bà Q

2.090.000đ). Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lã Thị Chân M có cho bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thi Q vay số tiền 1.650.000.000đ theo Hợp đồng vay tiền ngắn hạn đề ngày 13/12/2016, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, có chữ ký và chữ viết xác nhận nợ của một mình ông L. Quá trình làm việc tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất số tiền gốc còn nợ là 580.000.000đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc trên và lãi suất chậm trả theo quy định từ ngày 23/3/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 21/9/2017. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông L, bà Q:

Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 12/6/2017 (BL23, 24) ông L thừa nhận mặc dù ông là người ký tên trong Hợp đồng vay tiền ngắn hạn đề ngày 13/12/2016 (BL01) nhưng việc vay tiền là do 02 vợ chồng ông cùng vay và cùng nhận tiền nên đây là nợ chung của vợ chồng. Từ khi có lời khai trên cho đến ngày cấp sơ thẩm xét xử thì ông L cũng không có lời trình bày nào khác. Do đó, việc ông L, bà Q kháng cáo cho rằng đây không phải là nợ chung của vợ chồng là không có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”. Do đó, cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm trả trên tổng số tiền gốc từ ngày 23/3/2017 cho đến ngày 21/9/2017 như sau: $50\% \times 20\%/12 \text{ tháng} \times 6 \text{ tháng} \times 580.000.000\text{đ} = 29.000.000\text{đ}$ là đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm ngày 12/01/2018 bị đơn có đơn tường trình yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bị đơn không yêu cầu, cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết được.

Từ những phân tích trên cho thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm mà bị đơn phải chịu là: $(609.000.000\text{đ} - 400.000.000\text{đ}) \times 4\% + 20.000.000\text{đ} = 28.360.000\text{đ}$. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu 30.450.000đ án phí là không đúng, gây thiệt hại cho bị đơn nên cần sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[3] Về án phí phúc thẩm: do sửa án nên bị đơn ông L, bà Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thi Q. Sửa bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lã Thị Chân M.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thi Q có nghĩa vụ trả cho bà Lã Thị Chân M số tiền 609.000.000đ (trong đó tiền gốc là 580.000.000đ, tiền lãi là 29.000.000đ).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, bà Nguyễn Thi Q phải chịu 28.360.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0003757 ngày 20/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD. Ông L, bà Q còn phải nộp 28.060.000đ án phí.

Hoàn trả cho bà Lã Thị Chân M số tiền 16.600.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003532 ngày 16/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LĐ;
- Phòng KTNV & THA;
- TAND huyện ĐD;
- Chi cục THADS huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Nguyệt